TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Bản án số: 109/2022/HNGĐ-ST Ngày: 18/02/2022 V/v Ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Hồng Hải**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Kim Liên**.

2. Bà **Nguyễn Thị Tịnh Tâm**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Bá Hùng Tâm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Phùng Thị Ngọc Duyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 537/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 05 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **P.T.H**, sinh năm 1975. (có đơn xin vắng mặt)

Thường trú: Thôn Đ.W, xã Đ.K, huyện Đ.G, tỉnh Kon Tum.

Tạm trú: 33/6N đường T.X 5, ấp C2, xã T.X, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông **H.V.K**, sinh năm 1971. (vắng mặt không lý do)

Thường trú: Tổ dân phố 4A, thị trấn Đ.H, huyện Đ.H, tỉnh K.T

Tạm trú: 33/6N đường T.X5, ấp C2, xã T.X, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Phạm Thị Hân trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, bà P.T.H và ông H.V.K đã tự nguyện chung sống với nhau và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 131, quyển số 03 do Ủy ban nhân dân xã Đ.M, huyện Đ.H, tỉnh K.T cấp ngày 22/8/2003.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng chung suy nghĩ, bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gỗ, cãi vã. Bà H và ông K đã nhiều lần cố gắng hàn gắn đoàn tụ, cho nhau cơ hội nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà H và ông K đã quyết định sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống và tự lo cho bản thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã trở nên lạnh nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau, không thể hàn gắn trở về chung sống với nhau được. Do đó, bà H yêu cầu được ly hôn với ông K.

- Về con chung: Có 03 con chung tên H.M.T, sinh ngày 02/01/1993, H.T.D, sinh ngày 06/01/1996 và H.N.N.C, sinh năm 22/05/2007. Trẻ T và trẻ D đã trưởng thành. Khi ly hôn bà H yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ C và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, trở về chung sống với nhau nhưng chỉ có nguyên đơn bà P.T.H có mặt theo triệu tập của Tòa án, ông H.V.K vắng mặt không lý do, nên không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ đúng quy định. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn bà P.T.H với bị đơn ông H.V.K là "Tranh chấp về ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại xã T.X , huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà P.T.H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông H.V.K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông K vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà P.T.H và ông H.V.K tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn 131, quyển số 03 do Ủy ban nhân dân xã Đ.M, huyện Đ.H, tỉnh Kon Tum cấp ngày 22/8/2003 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà P.T.H và ông H.V.K là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà P.T.H

Quá trình giải quyết vụ án, bà P.T.H xin được ly hôn với ông H.V.K do vợ chồng không cùng chung suy nghĩ, bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gỗ, cãi vã. Bà H và ông K đã nhiều lần cố gắng hàn gắn đoàn tụ, cho nhau cơ hội nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà H và ông K đã quyết định sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống và tự lo cho bản thân.

Tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Quá trình giải quyết vụ án, ông H.V.K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Khải vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Như vậy, ông K đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ

được đưa ra chứng cứ để chứng minh, nên Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết vụ án theo các chứng cứ do nguyên đơn bà H đã giao nộp có trong hồ sơ vụ án.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác."

Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà Hân và ông K đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và trải qua thời gian dài không sống chung. Trong thời gian sống ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng, vẫn giữ quan điểm riêng của mình, không còn yêu thương, tin tưởng, tôn trọng, quan tâm đến nhau. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng bà H và ông K đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hân là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà P.T.H và ông H.V.K có 03 con chung tên H.M.T , sinh ngày 02/01/1993, H.T.D, sinh ngày 06/01/1996 và H.N.N.C, sinh năm 22/05/2007. Con chung tên H.M.T, sinh ngày 02/01/1993 và H.T.D, sinh ngày 06/01/1996 đã trưởng thành đủ 18 tuổi, có đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ C của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy bà H có nơi cư trú và công việc ổn định, hiện đang trực tiếp chăm sóc trẻ C. Để ổn định tâm sinh lý và phù hợp nguyện vọng của trẻ. Căn cứ các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110, nên Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ H.N.N.C, sinh năm 22/05/2007 cho bà Hân trực tiếp nuôi dưỡng là đúng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chưa đặt ra xem xét cho đến khi bà H có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của đương sự không có tài sản chung và nợ chung.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, khoản 1 điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

• Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

• Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Hân.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hân được ly hôn với ông Hoàng Văn Khải.

1.2. Về con chung: Có 03 con chung tên H.M.T, sinh ngày 02/01/1993, H.T.D, sinh ngày 06/01/1996 và H.N.N.C, sinh năm 22/05/2007. Con chung tên H.M.T, sinh ngày 02/01/1993 và H.T.D, sinh ngày 06/01/1996 đã trưởng thành đủ 18 tuổi, có đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao trẻ H.N.N.C, sinh năm 22/05/2007 cho bà P.T.H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông K cho đến khi bà H có đơn yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự tự khai không có.

[2] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà P.T.H phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0075164 ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.M. Bà P.T.H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[3] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4] Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận: - TAND TP. HCM; - VKSND H. Hóc Môn; - Chi cục THADS H. Hóc Môn; - UBND xã Đắk Mar, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum (GCNKH số 131, quyển số 03, ngày 22/8/2003); - Đương sự; • Lưu hồ sơ vụ án.	**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ** **Trịnh Hồng Hải**